

BÀI 2: TRUYỆN THƠ NÔM
(SỐ TIẾT: 13 TIẾT)

I. MỤC TIÊU.

1. Về kiến thức.

* **Đọc hiểu văn bản :**

– **Đọc hiểu nội dung:**

+ Nhận biết và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản truyện thơ Nôm muốn gửi đến người đọc qua hình thức nghệ thuật của văn bản. Phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.

+ Nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản.

– **Đọc hiểu hình thức:** Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện thơ Nôm như: cốt truyện, nhân vật, lời thoại

-**Liên hệ, so sánh, kết nối :** Vận dụng được một số hiểu biết về lịch sử văn học Việt Nam để đọc hiểu tác phẩm văn học

-**Đọc mở rộng:** Học thuộc lòng một số đoạn thơ, bài thơ yêu thích trong chương trình.

***Thực hành tiếng Việt:** Nhận biết và phân tích được tác dụng của điển cố, điển tích.

***Viết:** Viết được bài nghị luận phân tích một đoạn trích tác phẩm văn học.

* **Nói và nghe:**

+ Nghe và nhận biết được tính thuyết phục của một ý kiến.

+ Chỉ ra được những hạn chế (nếu có) như lập luận thiếu logic, bằng chứng chưa đủ hay không liên quan

2. Về năng lực

a. Năng lực đặc thù: Năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học

b. Năng lực chung

- **Tự chủ và tự học:** Tự giác thực hiện các nhiệm vụ của cá nhân, tổ nhóm học tập liên quan đến bài học.

- **Giao tiếp và hợp tác:** Tích cực hợp tác với bạn trong việc thực hiện nhiệm vụ học tập của tổ, nhóm.

- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập của cá nhân cũng như nhóm học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

3. Về phẩm chất.

- Cảm nhận được tình yêu thương con người.

- Trân trọng những hành động và suy nghĩ nhân hậu, trong sáng; biết thông cảm và chia sẻ trước cảnh ngộ của người khác.

- Có khát vọng tự do, có tinh thần “trọng nghĩa, khinh tài”

B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

I. Giáo viên

- Sưu tầm tài liệu, lập kế hoạch dạy học.

- Thiết kế bài giảng điện tử.

- Phương tiện và học liệu:

+ Các phương tiện: Máy vi tính, ti vi,...

+ Học liệu: Tranh ảnh và phim: GV sử dụng tranh, ảnh, tranh, video liên quan.

+ Phiếu học tập: Sử dụng các phiếu học tập trong dạy học đọc, viết, nói và nghe.

II. Học sinh

- Đọc phần Kiến thức Ngữ văn và hướng dẫn.

- **Chuẩn bị** phần Đọc - hiểu văn bản trong SGK; chuẩn bị bài theo các câu hỏi trong SGK.

- Đọc kỹ phần **Định hướng** trong nội dung Đọc, Viết, Nói và Nghe, và thực hành bài tập SGK.

C. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

Đọc – hiểu văn bản (1)

CẢNH NGÀY XUÂN

(Trích *Truyện Kiều*, Nguyễn Du)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Nhận biết được một số yếu tố hình thức (kết cấu, ngôn ngữ, hình ảnh,...) đoạn trích *Cảnh ngày xuân* (Trích *Truyện Kiều*, Nguyễn Du).

- Phân tích được nội dung (đề tài, chủ đề, tư tưởng, thông điệp; tình cảm, thái độ của tác giả;...) mà tác giả muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản *Cảnh ngày xuân* (Trích *Truyện Kiều*, Nguyễn Du).

2. Về năng lực

a. Năng lực đặc thù: năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học

b. Năng lực chung:

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.

- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng đọc thể loại truyện thơ Nôm, trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

3. Về phẩm chất

PHÒNG GDĐT NGHI XUÂN - TRƯỜNG THCS THÀNH MỸ

- Trân trọng những hành động và suy nghĩ nhân hậu, trong sáng; biết thông cảm và chia sẻ trước cảnh ngộ của người khác.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học

- Máy tính, máy chiếu đa năng (Ti vi).

2. Học liệu:

- SGK, tài liệu tham khảo.

- Tư liệu: Tranh ảnh và phim: GV sử dụng tranh, ảnh, video liên quan.

- Phiếu học tập: HS chuẩn bị các phiếu học tập ở nhà.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

1. **Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập.

2. **Nội dung:** GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.

3. **Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

4. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>PP trò chơi ô chữ</p> <p>Học sinh giải ô chữ hàng dọc gồm 5 chữ cái, tương ứng với 5 câu hỏi. Mỗi câu hỏi với mỗi câu trả lời đúng sẽ mở ra được một ô chữ cái tương ứng. 5 chữ cái đó sẽ được sắp xếp ngẫu nhiên.</p> <p>Câu hỏi.</p> <p>Câu 1. Những câu ca dao chủ yếu được viết theo thể thơ nào?</p> <p>Câu 2. Điền từ còn thiếu trong hai dòng thơ sau</p> <p style="text-align: center;">“Bao giờ ngàn Hóng hết câyhết nước họ này hết quan”</p> <p>Câu 3. Cảm hứng nổi bật trong đoạn trích “<i>Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ</i>” là gì?</p> <p>Câu 4. Ô may mắn, lật được luôn chữ cái.</p> <p>Câu 5. Bài thơ “<i>Bánh trôi nước</i>” của Hồ Xuân Hương viết về đề tài gì?</p> <p>* Cách thức: GV cho học sinh chọn câu</p>	<p>Câu 1: Thể loại <i>lục bát</i></p> <p>Câu 2: <i>Sông Lam</i></p> <p>Câu 3: Cảm hứng <i>nhân đạo</i></p> <p>Câu 4: Chữ cái <i>H</i></p> <p>Câu 5: Đề tài <i>người phụ nữ</i></p> <p>* Ô chữ hàng dọc: Tổ Như ->Tổ Như chính là Nguyễn Du</p>

PHÒNG GDĐT NGHI XUÂN - TRƯỜNG THCS THÀNH MỸ

hỏi, GV đọc câu hỏi, học sinh trả lời nhanh. GV có cách thức quy định phần thưởng cho câu trả lời hàng ngang và hàng dọc.

GV phát vấn: Bạn nào biết Tô Như chính là ai?

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ

- HS suy nghĩ và trả lời cá nhân.
- GV quan sát, khích lệ.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS nhận xét, góp ý câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá, kết luận Nhận xét câu trả lời của HS, dẫn dắt vào văn bản, xâu chuỗi, dẫn vào bài.

Các em thân mến, ô chữ chúng ta vừa chinh phục có từ khoá là Tô Như- Đây là tên hiệu của nhà thơ Nguyễn Du. Ông là tác giả của *Truyện Kiều*- tác phẩm được coi là “Kiệt tác số 1” của nền văn học dân tộc. Vậy *Truyện Kiều* có những đặc sắc gì mà được tôn vinh như vậy? Đến với bài học hôm nay, chúng ta sẽ phần nào thấy được những giá trị của tác phẩm này qua việc tìm hiểu đoạn trích “*Cảnh ngày xuân*”.

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

2.1. Giới thiệu bài học

a. Mục tiêu: Giúp HS xác định rõ mục đích, nội dung chủ đề và thể loại văn bản của bài học; khơi gợi hứng thú khám phá của HS.

b. Nội dung: HS chia sẻ suy nghĩ, hiểu biết về bài học.

c. Sản phẩm: Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
Giới thiệu bài học	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc phần Kiến thức Ngữ văn (SGK/tr.3) và cho biết: 1) Bài 2 gồm những văn bản đọc nào? 2) Các VB đọc chủ yếu thuộc thể loại gì?	- VB đọc chính: + VB1: <i>Cảnh ngày xuân</i> (Trích <i>Truyện Kiều</i> , Nguyễn Du). + VB2: <i>Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga</i> (Trích <i>Truyện Lục Vân Tiên</i> , Nguyễn Đình Chiểu) + VB thực hành đọc: <i>Kiều ở lầu Ngưng Bích</i> (Trích <i>Truyện Kiều</i> , Nguyễn Du). - Thể loại: Truyện thơ Nôm.
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ	

PHÒNG GDĐT NGHI XUÂN - TRƯỜNG THCS THÀNH MỸ

<p>vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc, suy nghĩ và thực hiện nhiệm vụ. <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời câu hỏi của GV. <p>Bước 4: Đánh giá, kết luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS, chốt vấn đề bài học. - GV dẫn dắt giới thiệu vào phần khám phá kiến thức ngữ văn của bài học. 	
---	--

2.2. Tìm hiểu kiến thức Ngữ văn

a. Mục tiêu: Nắm được đặc điểm của truyện thơ Nôm, cách xác định đề tài, chủ đề trong tác phẩm văn học

b. Nội dung: Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút để tìm hiểu về đề tài, chủ đề trong tác phẩm văn học.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p align="center">Trò chơi “Nhặt chữ tìm tri thức”</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV chia lớp thành các nhóm, hai bàn là 01 nhóm. - GV nêu thể lệ trò chơi + Có 03 gói câu hỏi, mỗi gói có 5 câu. + Mỗi nhóm chọn 01 gói câu hỏi. Trong thời gian 3 phút, các nhóm trả lời câu hỏi trong gói. + Sau 3 phút, các nhóm có cùng gói câu hỏi sẽ đối chiếu kết quả với nhau. + Nhóm thắng sẽ được quyền yêu cầu nhóm thua thực hiện 01 nhiệm vụ, có sự kiểm duyệt của GV. <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; margin-top: 10px;"> <p align="center">Gói câu hỏi số 1</p> <p>Tìm các từ, cụm từ trong phần Kiến thức Ngữ văn và điền vào các chỗ trống để tạo thành câu hoàn chỉnh và thể hiện một đơn vị kiến thức đúng nhất.</p> </div>	<p>I. KIẾN THỨC NGŨ VĂN:</p> <p>1. Truyện thơ Nôm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm: Truyện thơ Nôm là truyện thơ được viết bằng chữ Nôm thường dùng thể lục bát để kể chuyện. - Đặc điểm truyện thơ Nôm: + Phương thức biểu đạt: kết hợp giữa tự sự và trữ tình. + Nội dung: phản ánh hiện thực xã hội thông qua kể chuyện về cuộc đời nhân vật và cuộc đấu tranh để bảo vệ nhân phẩm, tình yêu của họ. + Cốt truyện: mô hình ba chặng <i>Gặp gỡ- Lưu lạc</i> (hoặc <i>Thử thách</i>)- <i>Đoàn tụ</i>. + Nhân vật: chia hai tuyến là nhân vật chính diện (ví dụ: Thuý

Câu 1. ... là truyện thơ được viết bằng chữ Nôm thường dùng thể lục bát để kể chuyện.

Câu 2. Sự kết hợp giữa tự sự và trữ tình là ...

Câu 3. *Gặp gỡ- Lưu lạc* (hoặc *Thử thách*)- *Đoàn tụ* là ... của truyện thơ Nôm.

Câu 4. Trong truyện thơ Nôm, nhân vật được chia thành ... đối lập nhau gồm các ... và các ...

Câu 5. Vai trò của nhân vật chính trong truyện thơ Nôm là ...

Gói câu hỏi số 2

Tìm các từ, cụm từ trong phần **Kiến thức Ngữ văn** và điền vào các chỗ trống để tạo thành câu hoàn chỉnh và thể hiện một đơn vị kiến thức đúng nhất.

Câu 1. ... là lời các nhân vật trao đổi với nhau trong một cuộc hội thoại.

Câu 2. Lời của nhân vật nói với chính mình hoặc nói với một người nào đó trong tưởng tượng là ...

Câu 3. Lời ... thường được đặt sau ... đầu dòng hoặc đặt trong dấu ngoặc kép.

Câu 4. Nếu văn bản ... lời độc thoại thì lời độc thoại được đặt sau dấu gạch ngang đầu dòng hoặc đặt trong dấu ngoặc kép. Nếu lời độc thoại được ... thì không dùng ...

Câu 5. Lời đối thoại và lời độc thoại đều góp phần thể hiện ..., ..., đặc điểm và tính cách nhân vật.

Gói câu hỏi số 3

Tìm các từ, cụm từ trong phần **Kiến thức Ngữ văn** và điền vào các chỗ trống để tạo thành câu hoàn chỉnh và thể hiện

Kiều, Từ Hải, Lục Vân Tiên,...) và phản diện (ví dụ: Tú Bà, Mã Giám Sinh, Bùi Kiệm, ...). Nhân vật chính sẽ kết nối nhân vật hai tuyến.

2. Lời đối thoại, độc thoại; cách xác định đề tài, chủ đề trong tác phẩm văn học.

Lời đối thoại	Lời độc thoại
- Là lời các nhân vật trao đổi với nhau trong một cuộc hội thoại. - Trong ngôn ngữ viết, lời đối thoại thường được đặt sau dấu gạch ngang đầu dòng hoặc đặt trong dấu ngoặc kép.	Lời độc thoại là lời của nhân vật nói với chính mình hoặc nói với một người nào đó trong tưởng tượng, thường diễn tả suy nghĩ, tình cảm đang diễn ra trong nội tâm nhân vật. - Nếu văn bản dẫn trực tiếp lời độc thoại thì lời độc thoại được đặt sau dấu gạch ngang đầu dòng hoặc đặt trong dấu ngoặc kép.

Tác dụng: Lời đối thoại và lời độc thoại đều góp phần thể hiện rõ thái độ, tình cảm, đặc điểm và tính cách nhân vật.

3. Cách xác định chủ đề

- Dựa vào các thành tố cơ bản tạo nên nội dung tác phẩm:

+ Cốt truyện: cốt truyện đơn tuyến, đa tuyến, số lượng và tính

PHÒNG GDĐT NGHĨ XUÂN - TRƯỜNG THCS THÀNH MỸ

một đơn vị kiến thức đúng nhất.

Câu 1. Có ... căn cứ cơ bản để xác định chủ đề của tác phẩm.

Câu 2. Các thành tố cơ bản tạo nên nội dung là ... để xác định chủ đề.

Câu 3. Tác phẩm viết về cái gì là câu hỏi để xác định được ... của tác phẩm.

Câu 4. Chủ đề tác phẩm có thể phân chia thành ... loại. Đó là ... và ...

Câu 5. Một số ... của tác phẩm cũng có thể là căn cứ để xác định chủ đề.

chất nhân vật,... giúp người đọc phân biệt chủ đề chính, chủ đề phụ,...

+ Các yếu tố khác như: chi tiết, nhân vật, sự kiện, xung đột, mạch cảm xúc chủ đạo,...

- Dựa vào đề tài tác phẩm: việc xác định tác phẩm viết về cái gì sẽ góp phần xác định được vấn đề cơ bản của tác phẩm (chủ đề).

- Một số nhan đề của tác phẩm cũng có thể là căn cứ để xác định chủ đề.

Ví dụ: Nhan đề *Đoạn trường tân thanh* (*Tiếng kêu đứt ruột mới*) người đọc có thể suy đoán được chủ đề của *Truyện Kiều*.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS làm việc theo nhóm
- GV quan sát, hỗ trợ.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV gọi lần lượt các nhóm có cùng gói câu hỏi đối chiếu kết quả.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- GV đưa ra đáp án câu trả lời và nhận xét phẩm thực hiện nhiệm vụ của các nhóm. Tuyên bố nhóm thắng.
- Nhóm thắng được quyền yêu cầu 1 nhóm thua thực hiện một nhiệm vụ bất kì (GV duyệt nhiệm vụ)
- GV chốt kiến thức về khái niệm và các đặc điểm của thể truyện thơ Nôm.

Đáp án gói câu hỏi số 1

Câu 1. Truyện thơ Nôm

Câu 2. đặc điểm nổi bật của truyện thơ Nôm.

Câu 3. mô hình cốt truyện

Câu 4. hai tuyến, nhân vật chính diện, nhân vật phản diện

Câu 5. kết nối nhân vật hai tuyến

Đáp án gói câu hỏi số 2

PHÒNG GDĐT NGHI XUÂN - TRƯỜNG THCS THÀNH MỸ

<p>Câu 1. Lời đối thoại Câu 2. lời độc thoại. Câu 3. đối thoại, dấu gạch ngang Câu 4. dẫn trực tiếp, dẫn gián tiếp, không dùng dấu gạch ngang hoặc ngoặc kép. Câu 5. thái độ, tình cảm</p>	
<p align="center">Đáp án gói câu hỏi số 3</p> <p>Câu 1. ba Câu 2. căn cứ chủ yếu Câu 3. vấn đề cơ bản (hoặc chủ đề) Câu 4. hai loại, chủ đề chính, chủ đề phụ Câu 5. nhan đề</p>	

2.3. Đọc - tìm hiểu chung

a. Mục tiêu:

- HS trình bày được những nét chính về tác giả, và những đặc điểm nổi bật, khái quát của văn bản *Cảnh ngày xuân*.

b. Nội dung hoạt động: Vận dụng kỹ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút để tìm hiểu về tác giả, xuất xứ, bố cục VB

- HS trả lời, hoạt động cá nhân.

c. Sản phẩm: Câu trả lời cá nhân

Trước khi trải nghiệm cùng văn bản, GV và HS cùng điểm những nét cơ bản về tác giả Nguyễn Du.

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
<p>NV1: Đọc Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV hướng dẫn HS đọc VB Đọc: - GV hướng dẫn cách đọc: cần đọc to, rành mạch, chú ý giọng đọc truyền cảm phù hợp với chất trữ tình trong thơ. - GV đọc mẫu 1 đoạn, gọi HS đọc nối tiếp. - Giải thích nghĩa các cụm từ: <i>én đưa thoi, thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi, thanh minh,</i></p>	<p align="center">II. ĐỌC- TÌM HIỂU CHUNG</p> <p>1. Đọc Đọc, giải thích từ khó Giải nghĩa các cụm từ: (chú ý phần chân trang sách).</p>

<p><i>đạp thanh, yến anh, tài tử, giai nhân, áo quần như nêm, thoi vàng vó rắc tro tiền giấy bay, tiểu khê, díp.</i></p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS đọc VB – Giải thích một vài từ khó.</p> <p>Bước 3. Báo cáo, thảo luận Nhận xét sản phẩm, bổ sung.</p> <p>Bước 4. Đánh giá, kết luận GV nhận xét, chốt kiến thức.</p> <p>NV 2: Tìm hiểu chung</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi và phiếu học tập số 1 (Phụ lục)</p> <p>Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ. - HS tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận chia sẻ cặp đôi</p> <p>Bước 3. Nhận xét sản phẩm, bổ sung. - GV yêu cầu học sinh đại diện cặp đôi trình bày kết quả trong phiếu HT - Các cặp còn lại quan sát, nhận xét, bổ sung.</p> <p>Bước 4. Chuẩn kiến thức. GV và HS đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của học sinh và khả năng trình bày trước lớp. - GV kết luận thông tin chính về tác giả, tác phẩm. GV chiếu một số hình ảnh về tác giả, tác phẩm <i>Truyện Kiều</i>.</p> <p>NV3: Tìm hiểu chung</p> <p>Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: HS thực hiện phiếu học tập số 02 (4 phút) GV yêu cầu HS nêu rõ vị trí, nội</p>	<p>2. Tìm hiểu chung:</p> <p>a. Tác giả Nguyễn Du</p> <p>- Tên tuổi, quê quán: Nguyễn Du hiệu là Thanh Hiên, tên chữ là Tố Như, sống ở cuối thế kỉ XVIII đầu thế kỉ XIX; xuất thân trong gia đình đại quý tộc, nhiều đời làm quan, có truyền thống văn chương ở Nghi Xuân- Hà Tĩnh.</p> <p>- Cuộc đời: Cuộc đời Nguyễn Du chìm nổi gian truân, đi nhiều nơi, tiếp xúc nhiều hạng người. Ông từng trải, vốn sống phong phú, có nhận thức sâu rộng.</p> <p>- Sự nghiệp sáng tác + Tác phẩm bằng chữ Hán: <i>Thanh Hiên thi tập, Nam trung tạp ngâm; Bắc hành tạp lục</i> + Tác phẩm viết bằng chữ Nôm: <i>Truyện Kiều, Văn chiêu hồn (Văn tế thập loại chúng sinh) ...</i></p> <p>b. Tác phẩm <i>Truyện Kiều</i>.</p> <p>- Xuất xứ: “<i>Đoạn trường tân thanh</i>” hay còn gọi là “<i>Truyện Kiều</i>”, dựa theo cốt truyện “<i>Kim Vân Kiều truyện</i>” của Thanh Tâm Tài Nhân (TQ) nhưng phần sáng tạo của Nguyễn Du rất lớn.</p> <p>- Thể loại: <i>Truyện thơ Nôm</i> (Thể thơ: Lục bát)</p> <p>- Bố cục: Phần 1. <i>Gặp gỡ và đính ước</i> Phần 2. <i>Gia biến lưu lạc</i> Phần 3. <i>Đoàn tụ</i></p> <p>c. Đoạn trích <i>Cảnh ngày xuân</i> - Vị trí: Đoạn trích nằm ở phần 1 - <i>Gặp</i></p>
---	--

PHÒNG GDĐT NGHI XUÂN - TRƯỜNG THCS THÀNH MỸ

<p>dung chính, phương thức biểu đạt, bố cục của đoạn trích</p> <p>Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ: trao đổi với bạn về kiến thức chung về VB.</p> <p>Bước 3. Báo cáo, thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS báo cáo kết quả; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. <p>Bước 4. Đánh giá, kết luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng 	<p>gỡ và đính ước.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nội dung chính: Đoạn thơ kể và tả về chuyến du xuân của chị em Thúy Kiều trước khi gặp Kim Trọng. - Nhân vật: chị em Thúy Kiều (Thúy Kiều và hai em là Thúy Vân và Vương Quan). - Phương thức biểu đạt: tự sự kết hợp biểu cảm và miêu tả. - Bố cục: Bố cục 3 phần theo trình tự thời gian của cuộc du xuân. <p>+ 4 câu đầu: Khung cảnh thiên nhiên ngày xuân</p> <p>+ 8 câu tiếp: Chị em Thúy Kiều tham gia lễ hội ngày xuân</p> <p>+ 6 câu cuối: Chị em Kiều du xuân trở về.</p>
---	--

2.4. Đọc- hiểu văn bản

a. Mục tiêu:

- HS hiểu được nét đặc sắc về hình ảnh, nghệ thuật miêu tả diễn biến tâm lí nhân vật..
- Nhận biết và phân tích được vẻ đẹp của khung cảnh ngày xuân và tâm trạng của các nhân vật trong cảnh ngày xuân
- HS nhận biết được và phân tích được yếu tố đặc sắc về nghệ thuật đoạn trích “*Cảnh ngày xuân*”

b. Nội dung hoạt động: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Kinh nghiệm, hiểu biết của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động.

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
<p>Tổ chức các hoạt động với chủ đề "Du xuân cùng chị em Thúy Kiều" GV giới thiệu chuyện <i>Du xuân cùng chị em Thúy Kiều</i> trải qua 4 trạm:</p> <p>Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ GV tổ chức hoạt động theo cặp và nêu yêu cầu: Đọc đoạn trích, xác định ngôi kể, điểm nhìn và các sự việc được kể trên hành trình du xuân của chị em Thúy Kiều.</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p>	<p>II. ĐỌC – HIỂU ĐOẠN TRÍCH 1. Hành trình du xuân của chị em Thúy Kiều</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngôi kể và điểm nhìn: Ngôi kể thứ ba, điểm nhìn của người kể <p>+ Sự việc 1:</p> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; margin-bottom: 5px;">Mùa xuân đã sang tháng thứ ba (4 câu đầu)</div> <p>+ Sự việc 2:</p> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; margin-bottom: 5px;">Chị em Thúy Kiều tham gia lễ tảo mộ, hội đạp thanh (8 câu tiếp)</div>

PHÒNG GDĐT NGHI XUÂN - TRƯỜNG THCS THÀNH MỸ

<p>- HS thảo luận theo cặp</p> <p>- GV quan sát, khích lệ HS.</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>- GV chọn 2 HS đại diện cho 2 cặp trả lời.</p> <p>- HS nhận xét lẫn nhau.</p> <p>Bước 4: Đánh giá, kết luận: GV tổng hợp ý kiến, chốt kiến thức.</p>	<p>+ Sự việc 3:</p> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; margin-top: 10px;">Chị em Thuý Kiều du xuân trở về (6 câu cuối)</div>
<p>Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>GV chia lớp làm 4 nhóm, giao nhiệm vụ cho từng nhóm</p> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; margin-top: 10px;"><p>Nhóm 1,2</p><p>Đọc bốn câu thơ đầu, hình dung quang cảnh mùa xuân được Nguyễn Du khắc hoạ và thực hiện các yêu cầu sau:</p><ol style="list-style-type: none">Xác định lời "kể" và lời "tả" khi chị em Thuý Kiều bắt đầu du xuân của Nguyễn Du.Cảm nhận từng nét vẽ tả cảnh và rút ra nhận xét về khung cảnh thiên nhiên mùa xuân.</div> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; margin-top: 10px;"><p>Nhóm 3,4</p><p>Đọc tám câu thơ tiếp, hình dung quang cảnh lễ hội trong tiết Thanh minh được Nguyễn Du khắc hoạ và thực hiện các yêu cầu sau:</p><ol style="list-style-type: none">Xác định lời "kể" và lời "tả" khi chị em Thuý Kiều tham gia lễ hội trong tiết Thanh minh của Nguyễn Du.Trong lời tả, Nguyễn Du đã sử dụng những yếu tố nghệ thuật nào? Phân tích tác dụng của các yếu tố nghệ thuật đó và rút ra nhận xét chung về khung cảnh lễ hội trong tiết Thanh minh.</div> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- HS thảo luận theo nhóm</p>	<p>2. Cảnh sắc thiên nhiên, khung cảnh lễ hội trên hành trình du xuân</p> <p>a. Cảnh sắc thiên nhiên ngày xuân</p> <p>- Lời kể của Nguyễn Du:</p> <p>+ Ngày xuân</p> <p>+ Chín chục đã ngoài sáu mươi</p> <p>=> Mùa xuân có 90 ngày, thì nay đã ngoài sáu mươi ngày, đã qua tháng Giêng, tháng Hai và bước sang tháng Ba.</p> <p>- Lời tả của Nguyễn Du</p> <p>+ <i>Con én đưa thoi</i>: Mùa xuân chim én bay đi bay lại như "đưa thoi" khi dệt cửu, gợi thời gian mùa xuân trôi qua rất nhanh.</p> <p>+ "<i>Thiều quang</i>": Những ngày mùa xuân với ánh sáng đẹp đẽ</p> <p>+ Hình ảnh "<i>Cỏ non xanh tận chân trời</i>", là phủ khắp mặt đất, tới tận chân trời là màu cỏ non xanh mơn mơn, gợi liên tưởng đến sức sống tràn trề của mùa xuân, mùa của vạn vật sinh sôi, bắt đầu một hành trình sống mới.</p> <p>+ Hình ảnh "<i>Cành lê trắng điểm một vài bông hoa</i>" với lối đảo ngữ đưa tính từ <i>trắng</i> lên trước danh từ <i>bông hoa</i> để nhấn mạnh sắc trắng tinh khôi, nổi bật của bông hoa lê</p>

- GV quan sát, khích lệ HS.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- GV chọn 2 HS đại diện cho 2 nhóm.

- HS nhận xét lẫn nhau.

Bước 4: Đánh giá, kết luận: GV tổng hợp ý kiến, chốt kiến thức.

giữa thảm cỏ xanh tươi.

=> Nhận xét: Những nét vẽ tả cảnh kết hợp với bút pháp chấm phá đã gợi ra một bức tranh thiên nhiên tươi đẹp, ấm áp và tràn đầy sức sống. Đồng thời còn giúp người đọc cảm nhận được tâm trạng, cảm xúc của chị em Thúy Kiều, có chút tiếc nuối và lưu luyến trước sự chuyển động nhanh vội vã của thời gian.

b. Khung cảnh lễ hội trong tiết Thanh minh

- Lời kể của Nguyễn Du:

*"Thanh minh trong tiết tháng Ba
Lễ là tảo mộ, hội là đạp thanh"*

-> Lễ hội mùa xuân được nhắc tới ở đây là tiết Thanh minh. Tiết Thanh minh gồm phần *lễ tảo mộ* (con cháu đi viếng và sửa sang phần mộ gia tiên) và phần *hội đạp thanh* (giẫm lên cỏ xanh).

- Lời tả của Nguyễn Du

*"Gần xa nô nức yến anh
Chị em sắm sửa bộ hành chơi xuân
Đập dìu tài tử giai nhân
Ngựa xe như nước, áo quần như
nêm*

*Ngôn ngang gò đống kéo lên
Thoi vàng vó rắc tro tiền giấy bay"*

+ Những từ ngữ, biện pháp tu từ được sử dụng để miêu tả cảnh lễ hội:

++ Nghệ thuật liệt kê các danh từ: *chị em, tài tử, giai nhân*: nhấn mạnh những đối tượng tham gia trong ngày tiết thanh minh. Đây là lễ hội dành cho tất cả mọi người, tất cả đều nô nức tham gia.

	<p>++ Sử dụng các động từ: <i>sấm sứa, đập diu</i>. Tác giả gợi ra không khí rộn ràng, náo nhiệt của lễ hội; các tính từ “<i>gần xa</i>”, “<i>nô nức</i>” cùng với nghệ thuật so sánh <i>ngựa xe như nước, áo quần như nêm</i> vẽ ra một khung cảnh đông vui, tấp nập. Từng đoàn người nối đuôi nhau, vừa đi vừa trò chuyện, đông đúc và đập diu như từng bầy chim yến, chim oanh ríu rít.</p> <p>++ Biện pháp đảo ngữ và liệt kê trong hai dòng “Ngón ngang...giấy bay”: là cảnh những người đến tảo mộ sửa soạn rắc vàng vó, đốt giấy tiền cho những người đã khuất, thực hiện nghi lễ của tảo mộ.</p> <p>+ Khung cảnh lễ hội: Bằng những từ ngữ sống động, giàu sắc thái biểu cảm, các biện pháp nghệ thuật đặc sắc, nhà thơ đã khái quát được không khí tưng bừng, tấp nập của lễ hội mùa xuân và lòng người náo nức, rộn ràng.</p> <p>=> Qua đó thể hiện được niềm tự hào, tôn vinh truyền thống văn hóa, đạo lí “uống nước nhớ nguồn” tốt đẹp của dân tộc ta. Tài năng nghệ thuật của Nguyễn Du: bút pháp chấm phá, các từ ngữ được sử dụng đa dạng, linh hoạt, nghệ thuật tả cảnh ngụ tình.</p>								
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức HS thành các nhóm đôi - GV nêu yêu cầu: <table border="1" data-bbox="261 1877 874 2063"> <tr> <th colspan="2" style="text-align: center;">Nhiệm vụ</th> </tr> <tr> <td colspan="2">1. Chỉ rõ sự dịch chuyển của thời gian và khung cảnh thiên nhiên ở bốn dòng thơ đầu và sáu dòng thơ cuối.</td> </tr> </table>	Nhiệm vụ		1. Chỉ rõ sự dịch chuyển của thời gian và khung cảnh thiên nhiên ở bốn dòng thơ đầu và sáu dòng thơ cuối.		<p>3. Tâm trạng của chị em Thuý Kiều trong cảnh sắc ngày xuân</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sự dịch chuyển của thời gian và cảnh sắc ngày xuân <table border="1" data-bbox="906 1921 1437 2063"> <tr> <th style="text-align: center;">Thời gian</th> <th style="text-align: center;">Cảnh sắc thiên nhiên</th> </tr> <tr> <td>Sáng xuân</td> <td>- <i>Cỏ non xanh ...</i></td> </tr> </table>	Thời gian	Cảnh sắc thiên nhiên	Sáng xuân	- <i>Cỏ non xanh ...</i>
Nhiệm vụ									
1. Chỉ rõ sự dịch chuyển của thời gian và khung cảnh thiên nhiên ở bốn dòng thơ đầu và sáu dòng thơ cuối.									
Thời gian	Cảnh sắc thiên nhiên								
Sáng xuân	- <i>Cỏ non xanh ...</i>								

PHÒNG GDĐT NGHĨ XUÂN - TRƯỜNG THCS THÀNH MỸ

<p>2. Phân tích rõ mối quan hệ giữa cảnh vật thiên nhiên và tâm trạng của chị em Thuý Kiều.</p>	<p>- <i>Cành lê trắng điểm</i> ...</p>						
<p>Bước 2: Các nhóm thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm theo kỹ thuật Kỹ thuật chia sẻ nhóm đôi (Think, Pair, hare) - Các nhóm đôi tiếp tục chia sẻ tiếp với nhóm đôi khác hoặc với cả lớp. <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi đại diện nhóm 1 báo cáo.. - HS trong lớp thảo luận, nhận xét, bổ sung. - GV lắng nghe, quan sát, hướng dẫn. <p>Bước 4. Đánh giá, kết luận</p> <p>GV nhận xét và chốt kiến thức.</p>	<p>Chiều tà</p> <ul style="list-style-type: none"> - Những hình ảnh: <i>ngọn liễu khô, chiếc cầu, dòng nước uốn quanh</i> đều là những hình ảnh thân thuộc, gợi ra một không gian tĩnh lặng, thơ mộng. - Các từ láy <i>thanh thanh, nao nao, nho nhỏ</i> gợi tả cảnh vật nhỏ xinh, thanh tĩnh lúc chiều tà, khi lễ hội đã tan. 						
	<p>=> Nhận xét: Điểm giống và khác nhau trong cảnh sắc thiên nhiên</p> <ul style="list-style-type: none"> + Cảnh sắc thiên nhiên mùa xuân đều đẹp nhưng mỗi bức tranh lại mang một vẻ đẹp riêng. + Bức tranh mùa xuân buổi sáng sinh động, náo nức, tinh khôi, giàu sức sống với <i>cỏ non, cành hoa lê trắng...</i> + Bức tranh mùa xuân buổi chiều tà thơ mộng mà tĩnh lặng, buồn vắng được gợi ra từ các từ láy: “<i>thanh thanh</i>”, “<i>nao nao</i>”, “<i>nho nhỏ</i>”: - Tâm trạng của chị em Thuý Kiều 						
	<table border="1"> <thead> <tr> <th data-bbox="916 1711 1043 1854">Thời gian</th> <th data-bbox="1048 1711 1219 1854">Cảnh sắc thiên nhiên</th> <th data-bbox="1224 1711 1453 1854">Tâm trạng của chị em Thuý Kiều</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="916 1861 1043 1944">Sáng xuân</td> <td data-bbox="1048 1861 1219 2045"> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Cỏ non xanh ...</i> - <i>Cành lê trắng</i> </td> <td data-bbox="1224 1861 1453 2045">Niềm vui, sự náo nức chuẩn bị du xuân</td> </tr> </tbody> </table>	Thời gian	Cảnh sắc thiên nhiên	Tâm trạng của chị em Thuý Kiều	Sáng xuân	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Cỏ non xanh ...</i> - <i>Cành lê trắng</i> 	Niềm vui, sự náo nức chuẩn bị du xuân
Thời gian	Cảnh sắc thiên nhiên	Tâm trạng của chị em Thuý Kiều					
Sáng xuân	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Cỏ non xanh ...</i> - <i>Cành lê trắng</i> 	Niềm vui, sự náo nức chuẩn bị du xuân					

	<i>điểm ...</i>	
Chiều tà	- Những hình ảnh: <i>ngọn tiêu khê, chiếc câu, dòng nước uốn quanh</i> đều là những hình ảnh thân thuộc, gợi ra một không gian tĩnh lặng, thơ mộng. - Các từ láy <i>thanh thanh, nao nao, nhỏ nhỏ</i> gợi tả cảnh vật nhỏ xinh, thanh tĩnh lúc chiều tà, khi lễ hội đã tan.	Tâm trạng bâng khuâng, tiếc nuối khi một ngày xuân đã hết. Tâm trạng phảng phất một nỗi buồn dịu nhẹ chưa thể lí giải của người thiếu nữ nhạy cảm và sâu lắng.
=> Mối quan hệ giữa cảnh và tình: - Thiên nhiên hiện lên qua lời kể, tả của Nguyễn Du nhưng lại được Nguyễn Du cảm nhận bằng đôi		

	<p>mắt, tâm trạng của chị em Thuý Kiều.</p> <p>- Sáu câu thơ cuối thể hiện mối quan hệ hai chiều đan xen, giao hoà giữa cảnh và tình. Khi hội tan, con người rơi vào trạng thái bâng khuâng, xao xuyến và nhìn cảnh vật bằng trong màu sắc u buồn và ảm đạm. Bằng nghệ thuật tả cảnh ngụ tình “<i>tình trong cảnh ấy cảnh trong tình này</i>” Nguyễn Du đã thổi hồn vào cảnh vật, khiến cảnh vật mang vẻ đẹp và linh hồn của con người, vừa phảng phất nét u buồn vừa tao nhã, thanh khiết.</p>
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức HS thành các nhóm đôi - GV nêu yêu cầu: <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; margin: 10px 0;"> <p style="text-align: center;">Nhiệm vụ</p> <p>1. Ngoài những yếu tố tự sự nổi bật của thể loại truyện thơ Nôm như cốt truyện nhân vật, theo em trong đoạn trích <i>Cảnh ngày xuân</i>, còn có những yếu tố tự sự nào khác?</p> <p>2. Chỉ rõ yếu tố trữ tình được thể hiện trong đoạn trích <i>Cảnh ngày xuân</i> và nêu tác dụng của việc kết hợp yếu tố tự sự và trữ tình trong đoạn trích.</p> </div> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS thực hiện nhiệm vụ theo cặp đôi - GV quan sát, hướng dẫn học sinh. <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đại diện 1 cặp HS báo cáo kết quả - HS các cặp theo dõi, nhận xét, bổ sung. - GV lắng nghe, quan sát, hướng dẫn. <p>Bước 4: Đánh giá, kết luận</p> <p>GV nhận xét và chuẩn kiến thức.</p>	<p>3. Sự kết hợp giữa yếu tố tự sự và trữ tình trong truyện thơ Nôm</p> <p>- Yếu tố tự sự:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Sự việc: Thuý Kiều cùng hai em đi du xuân trước khi gặp Kim Trọng. + Lời kể của tác giả về thời điểm và trình tự các sự việc trong chuyến du xuân của chị em Thuý Kiều. <p>- Yếu tố trữ tình:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Vẻ đẹp của khung cảnh thiên nhiên mùa xuân và khung cảnh lễ hội trong tiết Thanh minh. + Tâm trạng của chị em Thuý Kiều trong chuyến du xuân. + Các yếu tố nghệ thuật đặc sắc như: thể thơ lục bát, ngôn ngữ miêu tả giàu hình ảnh, giàu nhịp điệu, nhiều từ láy, bút pháp chấm phá, tả cảnh ngụ tình ... vừa miêu tả vẻ đẹp của thiên nhiên, khung cảnh lễ hội vừa bộc lộ tâm tư, tình cảm và cảm xúc của nhân vật chính cũng như góc nhìn của Nguyễn Du về thiên

	<p>nhiên đất trời mùa xuân.</p> <p>- Sự kết hợp yếu tố tự sự và trữ tình:</p> <p>+ Góp phần kể lại chân thực, sinh động chuyến du xuân của chị em Thuý Kiều. Miêu tả vẻ đẹp của khung cảnh thiên nhiên, lễ hội và bộc lộ tâm tư, tình cảm, cảm xúc của chị em Thuý Kiều; khẳng định tài năng bậc thầy của đại thi hào Nguyễn Du.</p> <p>+ Làm nên nét đặc trưng riêng của thể loại truyện thơ Nôm nói chung và Truyện Kiều nói riêng</p> <p>=> Tác phẩm <i>Truyện Kiều</i> nói chung và đoạn trích <i>Cảnh ngày xuân</i> nói riêng là một áng truyện thơ Nôm mẫu mực, mang đầy đủ các đặc trưng của thể loại truyện thơ</p>
--	---

2.5. Tổng kết

a. Mục tiêu:

- HS tự rút ra được đặc sắc về nghệ thuật, nội dung ý nghĩa văn bản *Cảnh ngày xuân*.

b. Nội dung hoạt động:

- GV sử dụng kĩ thuật trình bày một phút.
- HS làm việc cá nhân để tìm hiểu nội dung và nghệ thuật đoạn trích.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động.

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
<p>Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>Kĩ thuật trình bày một phút câu hỏi:</p> <p>? <i>Nêu những đặc sắc nghệ thuật, nội dung của VB “Cảnh ngày xuân” và thông điệp của tác giả.</i></p> <p><i>Qua đọc hiểu văn bản đoạn trích, em rút ra được những bài học gì</i></p>	<p>IV. TỔNG KẾT</p> <p>1. Nghệ thuật</p> <p>- Thể thơ: Lục bát với cách ngắt nhịp chẵn là chủ yếu, cách giao vần uyển chuyển tạo nên âm điệu nhẹ nhàng, da diết.</p> <p>- Ngôn ngữ: Chữ Nôm giàu hình ảnh mang tính ước lệ tượng trưng như <i>tảo mộ, đạp thanh, yến anh, tài tử, giai</i></p>

<p>trong việc đọc hiểu thể loại truyện thơ Nôm?</p> <p>* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- Học sinh: suy nghĩ, trả lời.</p> <p>- Giáo viên: nghe, quan sát, gọi nhận xét.</p> <p>* Bước 3. Báo cáo, thảo luận: HS trả lời miệng, trình bày kết quả. HS khác nghe nhận xét, đánh giá.</p> <p>* Bước 4. Đánh giá, kết luận</p> <p>- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá.</p> <p>- Giáo viên nhận xét, đánh giá, chốt lại kiến thức.</p>	<p>nhân....</p> <p>- Bút pháp chấm phá, điểm nhãn, tả cảnh ngụ tình: Dùng khung cảnh vui tươi nhộn nhịp để nói về tâm trạng phẫn khởi, hồ hởi của con người....</p> <p>- Sử dụng nhiều biện pháp tu từ như liệt kê, ẩn dụ, đối xứng.....</p> <p>2. Nội dung</p> <p>- Đoạn trích vừa kể về chuyến du xuân của chị em Thúy Kiều vừa gợi tả bức tranh thiên nhiên ngày xuân tuyệt đẹp và không khí náo nhiệt, nhộn nhịp trong tiết thanh minh.</p> <p>- Từ đó thể hiện một tâm hồn nhạy cảm tinh tế, đa sầu đa cảm của chị em Thúy Kiều trước cảnh cũng như tâm lòng của nhà thơ Nguyễn Du với những giá trị văn hóa truyền thống.</p> <p>- Thông điệp: yêu thiên nhiên, quê hương; trân trọng những giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc mình.</p> <p>3. Những lưu ý khi đọc hiểu văn bản thuộc thể loại truyện thơ Nôm.</p> <p>- Xác định được thể thơ, chữ viết.</p> <p>- Xác định được nhân vật, cốt truyện.</p> <p>- Nắm được vị trí của đoạn trích trong cốt truyện.</p> <p>- Thấy được những nét đặc sắc của văn bản ở phương diện nội dung, nghệ thuật.</p> <p>- Rút ra được thông điệp ý nghĩa/ bài học thiết thực cho bản thân.</p>
---	--

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu: HS làm được bài tập sau khi học xong văn bản.

2. Nội dung: HS làm việc cá nhân.

3. Sản phẩm: Câu trả lời đúng, đủ của HS.

4. Tổ chức thực hiện hoạt động.

V. THỰC HÀNH

Bài tập 1: GV tổ chức cho HS chơi trò chơi:

PHÒNG GDĐT NGHĨ XUÂN - TRƯỜNG THCS THÀNH MỸ

Gv cho HS tham gia cuộc “**Ai nhanh hơn**” để trả lời 10 câu hỏi để kiểm tra việc tìm hiểu về tác giả Nguyễn Du và đoạn trích *Cảnh ngày xuân*.

Câu 1: Sáng tác của Nguyễn Du bao gồm?

- A. Chữ Hán và chữ Quốc ngữ
- B. Chữ Hán và chữ Nôm.**
- C. Chữ Nôm và chữ Quốc ngữ.
- D. Chữ Hán, chữ Nôm và chữ Quốc ngữ.

Câu 2: Đâu **không** phải là tác phẩm của Nguyễn Du?

- A. Úc Trai thi tập.**
- B. Thanh Hiên thi tập.
- C. Văn tế thập loại chúng sinh.
- D. Nam trung tạp ngâm

Câu 3: Tác phẩm “*Truyện Kiều*” sáng tác trong giai đoạn nào?

- A. Văn học dân gian.
- B. Văn học Trung đại.**
- C. Văn học 1930- 1945
- D. Văn học cách mạng 1945- 1975.

Câu 4: Đoạn trích *Cảnh ngày xuân* nằm trong phần nào của tác phẩm *Truyện Kiều*?

- A. Gặp gỡ và đính ước**
- B. Gia biến và lưu lạc
- C. Đoàn tụ
- D. Sau khi Thúy Kiều chia tay Kim Trọng.

Câu 5: Đoạn trích *Cảnh ngày xuân* chia thành mấy phần.

- A. Hai
- B. Ba**
- C. Bốn
- D. Năm

Câu 6: Cảnh sắc mùa xuân được gọi tả qua 4 dòng thơ đầu như thế nào?

- A. Hình ảnh chim én chao liệng trên bầu trời khoáng đạt tràn ngập ánh sáng của bình minh.
- B. Vẻ đẹp của cỏ non xanh gợi nên sự mát mẻ, tinh khôi, tràn trề sức sống.
- C. Hình ảnh hoa lê trắng điểm xuyết khiến cho cảnh vật trở nên sinh động, có hồn.
- D. Cả 3 đáp án trên.**

Câu 7: Trong câu thơ “*Dập dìu tài tử, giai nhân/ Ngựa xe như nước, áo quần như nêm*” sử dụng các phép tu từ gì?

- A. Nhân hóa, ẩn dụ.
- B. Liệt kê, so sánh.**

C. Liệt kê, nhân hóa.

D. Nhân hóa, so sánh.

Câu 8: Tâm trạng của chị em Thúy Kiều khi trở về được diễn tả như thế nào?

A. Vui vẻ, háo hức, hồ hởi vì được đi du xuân vui vẻ.

B. Tâm trạng băng khuâng, xao xuyến đượm nỗi buồn man mác dịu nhẹ.

C. Tâm trạng lo lắng, u sầu, chán nản.

D. Cả 3 đáp án trên đều sai.

Câu 9: Đâu **không phải** là nghệ thuật nổi bật trong đoạn trích “*Cảnh ngày xuân*”?

A. Hình ảnh trang trọng mang yếu tố ước lệ, tượng trưng.

B. Ngôn ngữ chữ Nôm bình dị, đời thường, gần gũi với đời sống.

C. Bút pháp tả cảnh ngụ tình.

D. Miêu tả diễn biến tâm lí nhân vật.

Câu 10: Những câu thơ dưới đây là của tác giả nào viết về Nguyễn Du?

Tiếng thơ ai động đất trời

Nghe như non nước vọng lời ngàn thu

Nghìn năm sau nhớ Nguyễn Du

Tiếng thương như tiếng mẹ ru những ngày

A. Tố Hữu.

B. Hồ Chí Minh.

C. Nguyễn Khoa Điềm.

D. Trần Đăng Khoa.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

1. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.

2. Nội dung: Trả lời câu hỏi về tình huống thực tiễn rút ra từ bài học.

3. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

4. Tổ chức thực hiện: Thu hoạch qua sưu tầm và vận dụng ngoài giờ học

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

1. Bài tập 1: Chia sẻ

Yêu cầu: Trong đoạn trích *Cảnh ngày xuân* có nhiều câu thơ miêu tả vẻ đẹp của cảnh sắc thiên nhiên, em thích nhất cặp câu thơ nào? Vì sao?

2. Bài tập 2: Dự án đọc hiểu VB

Tập làm họa sĩ

Yêu cầu: HS vẽ tranh minh họa nội bức tranh cảnh ngày xuân từ đoạn trích.

Lưu ý: GV chia lớp thành 4 nhóm, chọn 1 số HS tiêu biểu có năng khiếu thích hợp phụ trách 4 nhóm, sau đó cho các HS khác tự nguyện đăng kí làm thành viên một trong 4 nhóm. Cố gắng cân đối thành viên 4 nhóm.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS suy nghĩ, thảo luận để hoàn thành các bài tập.
- GV khích lệ, giúp đỡ.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV gọi một vài HS chia sẻ về bài tập 1.
- Bài tập 2: Dự án.

GV gọi đại diện các nhóm báo cáo sản phẩm học tập.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

Gợi ý

1. Bài tập 1: HS có thể chỉ ra một số cặp câu thơ miêu tả vẻ đẹp trong *Cảnh ngày xuân*. Ví dụ như:

Cặp câu thơ: “*Cỏ non xanh tận chân trời/ Cành lê trắng điểm một vài bông hoa*”

Trong đoạn “*Cảnh ngày xuân*” (trích “*Truyện Kiều*”), Nguyễn Du đã vẽ nên bức họa tuyệt đẹp về mùa xuân: “*Cỏ non xanh tận chân trời, Cành lê trắng điểm một vài bông hoa*”. Thảm cỏ non trải rộng tới tận chân trời là gam màu nền cho bức tranh xuân. Điểm xuyết, chấm phá trên nền xanh bất tận ấy là sắc tinh khôi, thanh khiết của hoa lê nở lác đác khoe sắc, khoe hương. Lấy cảm hứng từ hai câu thơ cổ Trung Quốc: “*Phương thảo liên thiên bích – Lê chi sở điểm hoa*”, Nguyễn Du chỉ thêm một chữ “*trắng*” cho cành lê mà bức tranh mùa xuân đã khác. Không gian như khoáng đạt, trong trẻo và nhẹ nhàng hơn. Bằng nghệ thuật đảo ngữ “*trắng điểm*”, thi nhân đã tạo nên một điểm nhấn cho bức tranh, tô đậm sắc trắng của hoa lê nổi bật trên nền xanh non của cỏ. Màu sắc có sự hài hòa tới mức tuyệt diệu. Tất cả đều gợi lên vẻ đẹp riêng của mùa xuân: mới mẻ, tinh khôi, giàu sức sống; khoáng đạt, trong trẻo; nhẹ nhàng, thanh khiết.

2. Bài tập 2: HS tiếp nối dự án mà GV đã giao từ sau khi đọc hiểu VB “*Cảnh ngày xuân*” (Trích “*Truyện Kiều*”- Nguyễn Du) – HS về nhà thực hiện.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

- Hoàn thiện các nội dung đã học trong bài; và nội dung phần vận dụng.
- Chuẩn bị tìm đọc truyện thơ “*Truyện Lục Vân Tiên*” của Nguyễn Đình Chiểu, chuẩn bị các phiếu HT, câu hỏi chính trong VB “*Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga*”.